

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ

**PL 01 - DANH SÁCH SINH VIÊN ĐÃ THU NỘP HỌC PHÍ THEO KỲ HỌC KỲ I NĂM HỌC 2019-2020
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CLC ĐÁP ỨNG TT 23/2014/TT-BGDĐT**

(Kèm theo thông báo số 3157 /ĐHKT-KHTC ngày 21 / 10 /2019)

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Định mức	Miễn / giảm	Số tiền	Học phí đã nộp	Học phí còn nợ
1	16050688	Vũ Kim Anh	01/02/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
2	16050693	Nguyễn Minh Anh	11/22/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
3	16050698	Đỗ Quỳnh Anh	08/12/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
4	16050701	Nguyễn Văn Anh	06/27/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
5	16050704	Vương Trung Ân	06/30/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
6	16050711	Phạm Thị Thảo Chi	06/21/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
7	16050713	Hoàng Đức Chính	11/28/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
8	16050714	Nguyễn Ngọc Diệp	12/27/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
9	16050715	Nguyễn Phương Dung	10/04/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
10	16050718	Vũ Thị Thùy Dương	02/06/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
11	16050743	Đào Lương Thủy Hiền	03/17/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
12	16050744	Lê Xuân Hiền	04/30/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
13	16050756	Hoàng Lê Kiên	01/18/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
14	16050765	Đỗ Thị Linh Linh	02/01/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
15	16050766	Đinh Phương Linh	07/26/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
16	16050768	Vũ Thị Phương Linh	10/05/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
17	16050769	Đỗ Việt Phương Linh	10/02/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
18	16050782	Bùi Bích Ngọc	09/13/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
19	16050788	Bùi Giang Nhi	08/17/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
20	16050790	Ông Vũ Quỳnh Như	12/06/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
21	16050793	Nguyễn Thanh Phong	11/19/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
22	16050808	Nguyễn Đức Tâm	12/19/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
23	16050826	Nguyễn Minh Trang	06/20/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
24	16050827	Hoàng Thị Quỳnh Trang	10/14/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
25	16050830	Nguyễn Thiên Trang	07/14/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
26	16050834	Nguyễn Thị Thùy Trang	10/09/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
27	16050835	Lương Thị Thanh Tú	06/04/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
28	16050840	Hoàng Thị Hồng Uyên	08/11/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
29	16050841	Nguyễn Thị Uyên	09/18/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
30	16050842	Nguyễn Thu Uyên	08/18/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
31	16050845	Nguyễn Thị Thúy Vi	06/26/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
32	16050850	Nguyễn Khánh Vy	01/06/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
33	16052341	Ngô Mai Anh	11/24/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
34	16052342	Nguyễn Thị Minh Anh	10/05/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
35	16052343	Đoàn Việt Bách	07/06/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
36	16052344	Nguyễn Kim Chi	01/24/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
37	16052347	Nguyễn Thị Hương Giang	06/01/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
38	16052349	Nguyễn Thị Thủy Hằng	10/30/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
39	16052350	Bùi Nguyệt Hoa	01/29/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
40	16052351	Nguyễn Thu Hồng	07/22/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
41	16052354	Nguyễn Thị Hương	08/12/1996	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
42	16052355	Nguyễn Thị Hương	12/13/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
43	16052356	Vũ Duy Khánh	01/19/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
44	16052357	Phan Khánh Linh	09/04/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
45	16052363	Đào Thị Hồng Nhung	02/21/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
46	16052365	Nguyễn Thị Thanh Phương	03/06/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Định mức	Miễn / giảm	Số tiền	Học phí đã nộp	Học phí còn nợ
47	16052366	Nguyễn Thu Phương	09/24/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
48	16052369	Đỗ Minh Trang	09/13/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
49	16052370	Lưu Minh Trang	03/17/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
50	16052371	Nguyễn Anh Trung	01/31/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
51	16052374	Nguyễn Hoàng Tùng	05/26/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
52	16052375	Nguyễn Thị Thu Uyên	02/26/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
53	16052376	Lê Khánh Tường Vân	11/17/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
54	16051014	Nguyễn Phương Anh	11/27/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
55	16051024	Nguyễn Thị Linh Chi	11/12/1997	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	4,450,000	13,050,000	13,050,000	-
56	16051033	Dương Thị Hương Giang	07/01/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
57	16051039	Nguyễn Thu Hà	11/07/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
58	16051041	Đỗ Anh Hào	03/04/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
59	16051044	Hoàng Thủy Hằng	05/15/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
60	16051045	Trịnh Yên Hằng	11/07/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
61	16051048	Nguyễn Thu Hiền	11/30/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
62	16051049	Nguyễn Thục Hiền	11/07/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
63	16051052	Lê Trung Hiếu	04/05/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
64	16051056	Nguyễn Việt Hoàng	09/19/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
65	16051059	Nguyễn Thanh Huyền	09/04/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
66	16051060	Vũ Thị Thanh Huyền	07/17/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
67	16051061	Hoàng Thị Huyền	04/24/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
68	16051065	Vũ Thị Tú Lệ	08/25/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
69	16051067	Khúc Cẩm Linh	01/26/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
70	16051072	Trần Khánh Linh	01/13/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
71	16051074	Nguyễn Nhật Linh	01/03/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
72	16051080	Cao Hoàng Yên Linh	09/30/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
73	16051081	Vũ Thanh Loan	08/07/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
74	16051085	Nguyễn Thị Ly	07/06/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
75	16051089	Lê Thị Mai	02/18/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
76	16051093	Đào Phương Minh	11/26/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
77	16051096	Lưu Hải Nam	03/26/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
78	16051099	Phạm Nguyễn Bảo Nghi	09/20/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
79	16051103	Đỗ Đăng Tùng Nhật	08/15/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
80	16051105	Nguyễn Hồng Nhung	03/09/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
81	16051112	Nguyễn Đăng Bảo Quyên	03/15/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
82	16051115	Nguyễn Thái Sơn	04/30/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
83	16051120	Đinh Phương Thảo	04/23/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
84	16051121	Phạm Ngọc Phương Thảo	06/06/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
85	16051123	Nguyễn Thị Phương Thảo	10/28/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
86	16051124	Vũ Thị Phương Thảo	05/22/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
87	16051125	Nguyễn Thanh Thảo	07/11/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
88	16051138	Hoàng Huyền Trang	09/30/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
89	16051140	Hoàng Thu Trang	10/06/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
90	16051141	Nguyễn Thu Trang	11/27/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
91	16051146	Phạm Thị Cẩm Tú	05/13/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
92	16051147	Nguyễn Thanh Tùng	09/06/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
93	16051150	Đông Quang Vinh	07/11/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
94	16052331	Vũ Trung Anh	08/05/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
95	16052332	Đinh Bảo Duy	03/26/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
96	16052334	Nguyễn Thị Huyền	02/12/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
97	16052336	Trần Thu Thảo	04/27/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Định mức	Miễn / giảm	Số tiền	Học phí đã nộp	Học phí còn nợ
98	16052338	Nguyễn Đức Tùng	05/25/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
99	17050543	Nguyễn Thị Diễm Anh	01/09/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
100	17050546	Nguyễn Thị Kim Anh	06/23/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
101	17050548	Đặng Minh Anh	10/16/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
102	17050553	Phạm Quỳnh Anh	03/13/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
103	17050555	Hoàng Thu Anh	02/01/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	4,450,000	13,050,000	13,050,000	-
104	17050557	Trần Tùng Anh	01/11/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
105	17050560	Nguyễn Thị Minh Ánh	04/17/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
106	17050562	Nguyễn Thị Nguyệt Ánh	08/01/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
107	17050564	Nguyễn Xuân Bách	02/09/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
108	17050566	Nguyễn Minh Châu	04/22/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
109	17050569	Trần Bích Diệp	06/19/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
110	17050571	Vũ Thủy Dung	07/27/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
111	17050575	Phạm Anh Đức	07/16/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
112	17050578	Trịnh Thái Hà	08/16/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
113	17050585	Vương Thu Hằng	03/05/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
114	17050587	Đông Thị Hiền	01/27/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
115	17050590	Trần Mỹ Hoa	06/15/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
116	17050597	Nguyễn Quang Huy	11/29/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
117	17050599	Nguyễn Thị Thanh Huyền	12/16/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
118	17050601	Vũ Thị Thu Huyền	04/03/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
119	17050605	Lê Thu Hường	09/30/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
120	17050607	Nguyễn Tuấn Kiệt	05/25/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
121	17050612	Nguyễn Lương Khánh Linh	09/01/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
122	17050614	Nguyễn Thị Thùy Linh	11/05/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
123	17050617	Nguyễn Thị Hải Lý	09/21/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
124	17050620	Nguyễn Tuấn Minh	07/21/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
125	17050623	Đặng Xuân Nam	08/17/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
126	17050625	Lê Hoàng Ngân	05/11/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
127	17050627	Vũ Đức Nghĩa	03/28/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
128	17050630	Nguyễn Thị Minh Ngọc	07/16/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
129	17050632	Nguyễn Ngọc Bảo Nhi	02/06/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
130	17050634	Hoàng Đức Ninh	12/03/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
131	17050637	Vũ Thu Phương	11/15/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
132	17050639	Đào Diễm Quỳnh	07/07/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
133	17050641	Khuất Thị Thúy Quỳnh	10/04/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
134	17050642	Nguyễn Thị Tâm	07/22/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
135	17050643	Đặng Xuân Thanh	12/09/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
136	17050645	Nguyễn Phương Thảo	11/11/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
137	17050647	Nguyễn Thị Thu Trà	09/13/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
138	17050653	Đình Hoàng Trung	06/19/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
139	17050659	Bùi Cẩm Vân	01/18/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
140	17050545	Đình Thị Hoàng Anh	03/28/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
141	17050547	Hà Thị Lan Anh	01/17/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
142	17050549	Nguyễn Minh Anh	12/02/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
143	17050552	Phạm Quỳnh Anh	12/10/1997	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
144	17050554	Bùi Thị Anh	09/19/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
145	17050558	Lê Thị Vân Anh	07/03/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
146	17050561	Đỗ Thị Ngọc Ánh	03/20/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
147	17050563	Vũ Thị Ánh	02/15/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
148	17050565	Vũ Ngọc Bảo	06/11/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Định mức	Miễn / giảm	Số tiền	Học phí đã nộp	Học phí còn nợ
149	17050568	Nguyễn Ngọc Linh Chi	12/27/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
150	17050570	Phạm Thị Ngọc Diệp	02/23/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
151	17050577	Lê Vương Hà	06/04/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
152	17050580	Nguyễn Thị Việt Hà	08/04/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
153	17050582	Lê Thị Hồng Hạnh	11/04/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
154	17050584	Vũ Thị Thu Hằng	08/01/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
155	17050586	Lê Thị Thanh Hiền	01/27/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
156	17050589	Nguyễn Thị Thu Hiền	11/11/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
157	17050591	Vũ Thị Thu Hòa	12/16/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
158	17050596	Bùi Mạnh Hùng	03/28/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
159	17050600	Chu Thị Huyền	10/14/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
160	17050602	Trần Mậu Hưng	06/15/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
161	17050613	Ngô Phương Linh	09/17/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
162	17050615	Trần Thuý Linh	10/16/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
163	17050618	Dương Huyền Mai	02/05/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
164	17050621	Nguyễn Ngọc Hà My	12/13/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
165	17050624	Nguyễn Thị Quỳnh Nga	03/31/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
166	17050626	Đặng Thị Ngân	08/20/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
167	17050629	Đỗ Minh Ngọc	09/12/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
168	17050633	Nguyễn Thị Hồng Nhung	03/15/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
169	17050636	Nguyễn Công Diệu Phương	01/21/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
170	17050638	Cao Thị Quế	08/12/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
171	17050640	Vũ Ngọc Quỳnh	04/26/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	4,450,000	13,050,000	13,050,000	-
172	17050651	Nguyễn Thị Trang	11/16/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
173	17050655	Nguyễn Thị Ngọc Tú	11/13/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
174	17050658	Vũ Hồng Tươi	12/14/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
175	17050660	Phạm Mai Anh	07/03/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
176	17050663	Lê Thị Ngọc Ánh	12/15/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
177	17050664	Nguyễn Linh Chi	07/18/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
178	17050665	Trần Ngọc Vân Chi	11/20/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
179	17050668	Trần Hoàng Dương	10/05/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
180	17050669	Lương Thị Thuý Dương	07/14/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
181	17050670	Đỗ Thái Đông	06/16/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
182	17050672	Lê Hà Giang	09/17/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
183	17050675	Nghiêm Trung Hiếu	04/18/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
184	17050677	Nguyễn Thị Xuân Hòa	08/01/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
185	17050681	Nguyễn Thanh Huyền	08/04/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
186	17050683	Trần Thị Thanh Huyền	03/27/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
187	17050684	Nguyễn Thu Huyền	10/04/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
188	17050685	Vũ Quỳnh Hương	09/06/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
189	17050686	Lê Thị Hương	10/05/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
190	17050688	Nguyễn Tuấn Khải	08/27/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
191	17050689	Nguyễn Quốc Khánh	08/30/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
192	17050694	Nguyễn Tất Linh	01/14/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
193	17050698	Đặng Hương Ly	04/07/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
194	17050702	Trần Phùng Hà My	05/14/1998	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
195	17050703	Mai Hải Nam	09/10/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
196	17050705	Bùi Bích Ngọc	08/10/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
197	17050714	Phan Diễm Quỳnh	10/09/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
198	17050715	Bùi Ngọc Quỳnh	07/08/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
199	17050716	Phạm Thuý Quỳnh	06/22/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
200	17050717	Nguyễn Thị Minh Tâm	02/05/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Định mức	Miễn / giảm	Số tiền	Học phí đã nộp	Học phí còn nợ
201	17050718	Nguyễn Thị Thanh Tâm	02/03/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
202	17050719	Đỗ Phương Thảo	09/22/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	4,450,000	13,050,000	13,050,000	-
203	17050720	Nguyễn Thị Thoa	09/29/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
204	17050722	Phạm Ngọc Thương	07/19/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
205	17050723	Chu Huyền Trang	01/31/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
206	17050724	Đỗ Huyền Trang	09/13/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
207	17050734	Hà Thị Hải Yến	07/04/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
208	17050737	Phạm Hoàng Minh Châu	10/17/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
209	17050738	Nguyễn Linh Diệp	10/01/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
210	17050739	Nguyễn Khánh Duy	01/24/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
211	17050740	Đỗ Tiến Đạt	04/19/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
212	17050741	Nguyễn Thị Hà Giang	01/23/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
213	17050742	Lê Thu Giang	07/17/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
214	17050743	Nguyễn Ngọc Hải	04/10/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
215	17050747	Bùi Huyền Hương	10/15/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
216	17050749	Nguyễn Khánh Linh	10/24/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
217	17050750	Đỗ Nguyễn Thảo Linh	09/12/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
218	17050751	Nguyễn Thùy Linh	10/29/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
219	17050753	Trần Phương Nam	10/23/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
220	17050755	Trần Nguyễn Thảo Nguyên	10/17/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
221	17050761	Phạm Huy Thành	03/03/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
222	17050763	Trương Thị Trang	10/29/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
223	17050764	Nguyễn Thị Bảo Trâm	06/16/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
224	17050765	Vũ Kiều Trinh	09/29/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
225	17050766	Phạm Anh Tuấn	07/19/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
226	18050991	Hà Thị Việt Anh	04/05/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
227	18050992	Hoàng Minh Anh	07/27/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
228	18050993	Hoàng Ngọc Anh	10/29/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
229	18050994	Hoàng Văn Anh	07/31/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
230	18050995	Lê Thị Minh Anh	05/29/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
231	18050998	Nguyễn Thị Lan Anh	12/29/1999	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
232	18050999	Nguyễn Thị Mai Anh	02/21/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
233	18051000	Nguyễn Thị Ngọc Anh	09/30/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
234	18051003	Phạm Thị Hồng Anh	08/10/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
235	18051005	Phạm Thị Ngọc Anh	05/25/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
236	18051021	Trần Thị Phương Dung	06/17/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
237	18051025	Trần Thị Duyên	11/01/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
238	18051030	Nguyễn Thị Hương Giang	10/25/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
239	18051037	Bùi Thu Hằng	11/08/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
240	18051038	Đới Thị Thúy Hằng	11/03/1999	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
241	18051043	Đỗ Thanh Hiền	05/04/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17500000	4,450,000	13,050,000	13,050,000	-
242	18051047	Lê Thị Hoa	06/05/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
243	18051050	Lê Thị Minh Hương	07/04/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
244	18051053	Lê Kim Huyền	10/01/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
245	18051055	Thái Thị Huyền	11/20/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
246	18051064	Lê Thị Diệu Linh	03/28/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
247	18051066	Nguyễn Thị Linh	04/04/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
248	18051076	Bùi Phương Nga	09/01/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
249	18051078	Đoàn Thị Thúy Nga	06/06/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
250	18051080	Lưu Đại Nghĩa	12/29/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
251	18051085	Đào Anh Như	09/04/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Định mức	Miễn / giảm	Số tiền	Học phí đã nộp	Học phí còn nợ
252	18051100	Vương Thị Như Quỳnh	04/07/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
253	18051104	Bùi Mai Phương Thảo	10/04/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
254	18051108	Dương Thị Thơm	08/07/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
255	18051111	Nguyễn Thị Hoài Thương	12/28/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
256	18051113	Vũ Thị Thu Thủy	03/23/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
257	18051114	Hà Thủy Tiên	11/16/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
258	18051118	Đặng Thị Trang	03/09/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
259	18051119	Đoàn Minh Trang	04/26/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
260	18051124	Phan Thị Thanh Uyên	12/08/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
261	18051128	Phạm Thanh Xuân	03/17/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
262	18050996	Lê Việt Anh	04/24/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
263	18051001	Nguyễn Thị Vân Anh	02/12/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
264	18051002	Phạm Mai Anh	08/31/1999	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
265	18051009	Hồ Ngọc Ánh	05/04/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
266	18051010	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	10/14/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
267	18051013	Phạm Thị Khánh Chi	10/01/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
268	18051015	Trịnh Kim Chi	01/06/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
269	18051020	Phạm Thùy Dung	02/13/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
270	18051023	Trần Thùy Dương	03/05/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
271	18051032	Bùi Thị Thu Hà	08/22/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
272	18051033	Ngô Thị Thu Hà	08/20/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
273	18051034	Trần Thu Hà	09/30/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
274	18051036	Đàm Thị Ngọc Hân	01/26/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
275	18051041	Trần Thị Hằng	07/09/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
276	18051049	Nguyễn Thị Hồng	02/15/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
277	18051059	Đỗ Hoàng Lan	12/11/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
278	18051061	Đặng Thị Nhật Linh	02/28/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
279	18051067	Phạm Khánh Linh	09/07/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
280	18051068	Tống Khánh Linh	10/08/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
281	18051083	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	08/06/1999	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
282	18051084	Đinh Thị Nguyệt	03/21/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
283	18051089	Đỗ Ngọc Phương	08/06/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
284	18051092	Phạm Thị Kim Phương	03/14/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
285	18051093	Nguyễn Anh Quân	11/26/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
286	18051095	Hoàng Thị Thu Quỳnh	09/11/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
287	18051105	Đỗ Phương Thảo	01/06/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
288	18051107	Triệu Phương Thảo	01/10/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
289	18051110	Phạm Thị Anh Thư	09/23/1999	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
290	18051112	Đinh Thị Thu Thủy	11/26/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
291	18051123	Bùi Thu Uyên	05/27/1999	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
292	18051126	Đinh Tôn Thảo Vy	10/24/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
293	18051130	Hoàng Thị Dừng	09/10/1999	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17500000	4,450,000	13,050,000	13,050,000	-
294	18051131	Lương Trung Thành	10/05/1999	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
295	18050997	Nguyễn Phương Anh	05/08/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
296	18051004	Phạm Thị Mai Anh	06/24/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
297	18051006	Trần Thị Lan Anh	08/14/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
298	18051007	Trịnh Hoài Anh	06/07/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
299	18051008	Trịnh Thị Lan Anh	05/11/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
300	18051011	Phạm Thị Ngọc Ánh	12/29/1999	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
301	18051014	Trịnh Kim Chi	12/29/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
302	18051016	Đặng Linh Đan	08/21/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Định mức	Miễn / giảm	Số tiền	Học phí đã nộp	Học phí còn nợ
303	18051028	Nguyễn Huệ Giang	05/29/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
304	18051031	Phùng Thị Thu Giang	10/26/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
305	18051039	Nguyễn Thị Hằng	05/04/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
306	18051040	Nguyễn Thị Hằng	09/27/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
307	18051045	Trần Thị Thu Hiền	04/03/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
308	18051052	Hồ Thị Thanh Huyền	08/17/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
309	18051060	Trần Thị Phương Liên	05/10/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17500000	4,450,000	13,050,000	13,050,000	-
310	18051062	Đào Thùy Linh	01/24/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
311	18051073	Nguyễn Thị Thúy Mai	09/25/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
312	18051075	Nguyễn Thảo My	10/16/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
313	18051086	Lưu Thị Hồng Oanh	01/20/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
314	18051087	Bùi Thị Thu Phương	08/08/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
315	18051094	Phạm Thị Thục Quyên	09/24/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
316	18051098	Ngô Thúy Quỳnh	10/04/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
317	18051099	Nguyễn Như Quỳnh	02/28/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
318	18051101	Trần Đức Tài	10/16/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
319	18051102	Đinh Lê Thanh	08/14/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
320	18051103	Trịnh Việt Thành	12/04/1998	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
321	18051106	Tạ Thị Phương Thảo	11/06/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
322	18051116	Nguyễn Thành Tiến	12/15/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
323	18051117	Cao Thanh Trà	01/22/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
324	18051120	Nguyễn Thị Thùy Trang	07/19/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
325	18051122	Lê Nguyễn Thành Tú	02/12/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
326	18051129	Phương Hải Yến	10/16/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
327	18050385	Lê Vũ Thị Vân Anh	05/13/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
328	18050396	Thân Thị Vân Anh	04/25/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
329	18050401	Vũ Hải Anh	10/28/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
330	18050402	Vũ Thị Lan Anh	09/15/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
331	18050404	Lê Ngọc Ánh	12/03/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
332	18050436	Ngô Thùy Dương	05/23/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
333	18050443	Nguyễn Thị Thu Hà	12/18/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
334	18050449	Trương Thị Hằng	05/20/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
335	18050452	Lê Thị Hạnh	06/23/1998	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
336	18050457	Đinh Lê Công Hiếu	02/19/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
337	18050464	Hoàng Mai Hồng	05/11/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
338	18050473	Phạm Thị Hương	02/17/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
339	18050483	Phạm Thị Thanh Huyền	09/05/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
340	18050484	Trần Thị Huyền	05/13/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
341	18050489	Trương Trần Minh Khôi	03/08/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
342	18050493	Vương Vũ Ngọc Liên	10/29/2001	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
343	18050494	Dương Thùy Linh	07/09/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
344	18050510	Dương Thị Thanh Loan	03/15/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
345	18050514	Nguyễn Minh Long	07/28/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
346	18050517	Phạm Thị Khánh Ly	02/27/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
347	18050531	Nguyễn Hằng Nga	10/02/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
348	18050532	Nguyễn Thị Nga	01/08/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
349	18050536	Nguyễn Thúy Ngọc	09/17/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
350	18050550	Nguyễn Đỗ Thu Phương	08/05/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
351	18050554	Nguyễn Nhật Phương	12/24/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
352	18050561	Nguyễn Thiện Quang	06/20/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
353	18050564	Nguyễn Hải Quỳnh	05/08/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
354	18050565	Vũ Thị Quỳnh	06/03/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Định mức	Miễn / giảm	Số tiền	Học phí đã nộp	Học phí còn nợ
355	18050574	Đỗ Phương Thảo	05/07/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
356	18050585	Phạm Thương Thảo	08/04/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	3,115,000	14,385,000	14,385,000	-
357	18050588	Vũ Phương Thảo	12/13/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
358	18050601	Trương Thị Trâm	02/10/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
359	18050602	Đỗ Thị Trang	05/26/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
360	18050605	Nguyễn Phương Trang	08/03/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
361	18050616	Nguyễn Công Tú	05/22/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
362	18050377	Bùi Văn Anh	11/25/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
363	18050379	Đỗ Phương Anh	10/06/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
364	18050380	Đỗ Tuấn Anh	10/10/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
365	18050395	Tạ Thị Văn Anh	11/16/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
366	18050397	Trần Đặng Kiều Anh	11/06/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
367	18050407	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	10/04/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
368	18050416	Trương Thị Khánh Chi	10/16/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
369	18050420	Phạm Anh Đào	01/04/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
370	18050435	Đoàn Bình Dương	02/21/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
371	18050481	Lê Thị Thu Huyền	02/28/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
372	18050482	Lưu Thị Huyền	01/17/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
373	18050487	Nguyễn Quốc Khánh	09/02/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
374	18050492	Vũ Trần Phương Lan	09/26/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
375	18050507	Trần Thùy Linh	03/01/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
376	18050508	Trịnh Vũ Vi Linh	10/18/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
377	18050513	Nguyễn Hoàng Long	12/02/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
378	18050516	Nguyễn Thị Phương Ly	08/25/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
379	18050556	Nguyễn Thị Phương	11/20/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
380	18050562	Nguyễn Thị Lệ Quyên	07/25/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
381	18050563	Dương Ngọc Quỳnh	10/24/1999	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
382	18050568	Thang Thị Tâm	07/13/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
383	18050575	Hoàng Phương Thảo	12/23/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
384	18050579	Lê Thị Thảo	07/15/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
385	18050580	Nguyễn Phương Thảo	03/02/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
386	18050581	Nguyễn Thị Phương Thảo	11/08/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
387	18050584	Nguyễn Thị Phương Thảo	07/01/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
388	18050593	Lê Thị Thùy	04/15/1999	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
389	18050594	Hoàng Thị Thu Thùy	10/20/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
390	18050599	Lữ Huyền Trâm	09/23/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
391	18050603	Lê Huyền Trang	11/11/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
392	18050623	Đỗ Thị Thuý Vân	01/15/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
393	18050625	Nguyễn Thị Vân	04/12/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
394	18050629	Vi Hải Việt	10/20/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
395	18050633	Chu Thị Thu Xanh	06/23/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
396	18050636	Nguyễn Thị Hải Yến	06/26/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
397	18050637	Phan Hải Yến	04/04/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
398	18050639	Vũ Hải Yến	08/23/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
399	18050388	Nguyễn Quỳnh Anh	03/19/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
400	18050400	Trần Thị Kim Anh	01/10/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
401	18050408	Trần Thị Ngọc Ánh	11/17/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
402	18050423	Bùi Thị Diệu	03/29/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
403	18050426	Nghiêm Phan Đức	01/24/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
404	18050428	Lê Thùy Dung	09/25/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
405	18050429	Đỗ Quang Dũng	04/04/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
406	18050430	Lê Huy Dũng	05/20/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Định mức	Miễn / giảm	Số tiền	Học phí đã nộp	Học phí còn nợ
407	18050444	Trần Thị Thu Hà	10/03/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
408	18050446	Bùi Thị Hằng	03/16/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
409	18050451	Lâm Thị Thúy Hạnh	08/31/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
410	18050465	Nguyễn Ánh Hồng	09/16/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
411	18050466	Phan Thu Huệ	07/08/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
412	18050467	Đỗ Duy Hùng	09/11/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
413	18050477	Nguyễn Thị Thu Hương	11/27/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
414	18050496	Lê Khánh Linh	05/06/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
415	18050498	Nguyễn Khánh Linh	11/03/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
416	18050500	Nguyễn Thị Thùy Linh	08/08/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
417	18050503	Tô Khánh Linh	11/29/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
418	18050524	Nguyễn Thế Minh	12/22/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
419	18050526	Vũ Thị Nhật Minh	08/17/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
420	18050527	Bùi Trà My	07/03/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
421	18050537	Lê Bảo Nguyên	06/02/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
422	18050539	Hoàng Thị Nguyệt	08/17/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
423	18050543	Lưu Thị Hồng Nhung	07/27/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
424	18050566	Trịnh Anh Sơn	11/23/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
425	18050567	Lê Khánh Tâm	11/25/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
426	18050582	Nguyễn Thị Phương Thảo	02/16/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
427	18050583	Nguyễn Thị Phương Thảo	08/07/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
428	18050587	Trần Thị Thu Thảo	08/17/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
429	18050592	Phạm Thị Thu	03/08/1999	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
430	18050596	Nguyễn Thị Thu Thùy	08/20/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
431	18050598	Trần Thuý Tiên	03/17/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
432	18050614	Phạm Thu Trang	12/02/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
433	18050381	Hồ Thiên Anh	11/06/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
434	18050390	Nguyễn Thị Lâm Anh	01/28/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
435	18050392	Nguyễn Trần Huệ Anh	06/01/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
436	18050399	Trần Ngọc Anh	12/26/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
437	18050405	Ngô Nhật Ánh	12/13/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
438	18050406	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	02/22/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
439	18050412	Trần Quốc Bình	12/04/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
440	18050413	Vũ Thị Quỳnh Châm	03/23/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
441	18050414	Nguyễn Minh Châu	12/01/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
442	18050417	Nguyễn Hữu Chuyên	12/03/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
443	18050422	Trần Hoàng Đạt	09/06/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
444	18050442	Nguyễn Thị Ngọc Hà	01/04/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
445	18050456	Trần Thu Hiền	02/08/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
446	18050470	Nguy Thị Hương	04/14/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
447	18050471	Nguyễn Mai Hương	12/03/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
448	18050475	Trần Hoài Hương	07/26/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
449	18050478	Mai Hoàng Huy	02/08/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
450	18050479	Nguyễn Quốc Huy	07/25/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
451	18050488	Trần Đình Khiêm	07/25/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
452	18050491	Vũ Phạm Đại Lâm	12/03/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
453	18050495	Hoàng Vũ Linh	06/15/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
454	18050497	Nguyễn Bảo Linh	12/07/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
455	18050501	Phạm Thị Mai Linh	10/13/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
456	18050502	Phạm Thị Thùy Linh	11/28/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
457	18050547	Bùi Phạm Tiến Phong	04/17/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
458	18050590	Vũ Quốc Thịnh	09/16/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Định mức	Miễn / giảm	Số tiền	Học phí đã nộp	Học phí còn nợ
459	18050591	Nguyễn Minh Thu	12/28/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
460	18050607	Nguyễn Thị Huyền Trang	07/10/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
461	18050615	Nguyễn Công Trung	09/04/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
462	18050619	Phan Hoàng Tùng	04/29/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
463	18050620	Vương Thị Kim Tuyền	01/12/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
464	18050627	Hoàng Hà Vi	04/27/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
465	18050628	Trương Diễm Trang Vi	07/10/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
466	18050409	Trịnh Thị Ngọc Anh	04/12/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
467	18050410	Vũ Thị Bắc	09/06/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
468	18050425	Nguyễn Văn Dư	11/18/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
469	18050431	Nguyễn Anh Dũng	05/19/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
470	18050437	Nguyễn Thùy Dương	09/30/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
471	18050438	Trần Hoàng Thái Dương	05/04/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
472	18050445	Đỗ Ngọc Hân	12/26/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
473	18050455	Nguyễn Thanh Hậu	05/25/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
474	18050461	Nguyễn Khánh Hòa	08/24/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
475	18050472	Nguyễn Thị Hương	06/20/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
476	18050485	Nguyễn Thụy Khanh	08/16/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
477	18050509	Vũ Thùy Linh	11/26/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
478	18050512	Doãn Bảo Long	04/16/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
479	18050515	Nguyễn Thảo Ly	02/26/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
480	18050518	Trần Hương Ly	06/15/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
481	18050529	Trần Thị Ngọc Mỹ	01/24/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
482	18050542	Cung Trang Nhung	02/27/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
483	18050544	Nguyễn Phạm Hồng Nhung	01/10/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
484	18050552	Nguyễn Minh Phương	11/02/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
485	18050557	Phạm Lê Hà Phương	05/21/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
486	18050560	Nguyễn Đức Quang	03/26/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
487	18050569	Phạm Ngọc Tân	11/23/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
488	18050572	Bùi Phương Thảo	06/15/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
489	18050573	Bùi Thanh Thảo	12/07/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
490	18050597	Nguyễn Ngọc Thùy Tiên	01/23/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
491	18050606	Nguyễn Quỳnh Trang	06/19/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
492	18050611	Nguyễn Thu Trang	03/04/1999	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
493	18050612	Phạm Huyền Trang	12/24/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
494	18050638	Phùng Thị Thảo Yến	11/03/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
495	18050389	Nguyễn Thế Anh	01/03/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
496	18050391	Nguyễn Thị Ngọc Anh	10/06/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
497	18050393	Phạm Hoàng Anh	02/24/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
498	18050394	Phạm Phương Anh	12/24/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
499	18050398	Trần Hồng Anh	11/17/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
500	18050411	Nguyễn Thanh Bình	07/02/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
501	18050427	Vũ Công Đức	01/24/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
502	18050433	Nguyễn Minh Hoàng Dũng	02/27/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
503	18050434	Thái Minh Dũng	09/20/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
504	18050440	Nguyễn Thị Hương Giang	10/30/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
505	18050447	Phạm Thị Thu Hằng	07/16/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
506	18050448	Trịnh Minh Hằng	02/15/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
507	18050459	Lê Trung Hiếu	07/27/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
508	18050468	Đỗ Văn Hùng	09/19/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
509	18050480	Trương Cảnh Huy	08/18/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
510	18050511	Đỗ Minh Long	11/18/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Định mức	Miễn / giảm	Số tiền	Học phí đã nộp	Học phí còn nợ
511	18050522	Trần Đức Mạnh	11/01/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
512	18050523	Trần Đức Mạnh	08/15/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
513	18050525	Trần Hoàng Minh	09/05/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
514	18050538	Ngô Anh Nguyên	12/20/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
515	18050548	Lê Đăng Việt Phú	05/20/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
516	18050551	Nguyễn Lan Phương	12/02/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
517	18050570	Nguyễn Quốc Thắng	07/11/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
518	18050577	Lê Minh Thảo	01/24/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
519	18050578	Lê Phương Thảo	04/23/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
520	18050586	Trần Phương Thảo	07/29/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
521	18050589	Vũ Thị Phương Thảo	07/19/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
522	18050609	Nguyễn Thiên Hạnh Trang	06/25/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
523	18050613	Phạm Thị Huyền Trang	12/29/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
524	18050635	Nguyễn Thị Hải Yến	08/08/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
525	18050657	Nguyễn Hà Anh	02/10/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
526	18050659	Nguyễn Hồng Anh	11/06/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
527	18050664	Nguyễn Thị Lan Anh	05/28/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
528	18050665	Nguyễn Thị Tuyết Anh	04/26/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
529	18050669	Phạm Thị Vân Anh	04/03/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
530	18050679	Nguyễn Ngọc Ánh	02/27/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
531	18050683	Tô Thị Bình	06/22/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
532	18050697	Nguyễn Thuý Dương	07/08/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
533	18050712	Nguyễn Thị Hằng	06/14/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
534	18050716	Nguyễn Thị Thanh Hậu	07/03/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17500000	4,450,000	13,050,000	13,050,000	-
535	18050730	Ngô Quang Huy	04/18/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
536	18050741	Doãn Thị Thuý Linh	09/24/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
537	18050744	Lục Phạm Khánh Linh	09/30/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
538	18050747	Ngô Thị Diệu Linh	03/30/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
539	18050761	Tổng Thị Hải Ly	08/26/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
540	18050766	Vũ Thị Mai	06/18/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
541	18050771	Đinh Huyền My	04/23/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
542	18050772	Kiều Thị Trà My	10/30/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
543	18050773	Phạm Đoàn Trà My	09/26/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
544	18050775	Hoàng Mai Ngân	09/18/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
545	18050782	Phạm Hoài Ngọc	12/08/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
546	18050791	Nguyễn Thị Nhung	06/07/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
547	18050798	Nguyễn Thị Thanh Phương	09/30/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
548	18050811	Nguyễn Thị Lê Thảo	04/08/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
549	18050814	Nguyễn Thị Thiện	08/29/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
550	18050819	Vũ Hà Thu	12/25/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
551	18050821	Lê Thu Thủy	10/30/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
552	18050823	Mai Nguyễn Thanh Thủy	01/19/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
553	18050828	Đinh Hoàng Hạnh Trang	10/12/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
554	18050832	Lương Thị Trang	07/13/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
555	18050833	Lưu Quỳnh Trang	08/16/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
556	18050834	Mai Thị Kiều Trang	11/06/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
557	18050840	Thiều Thiện Tường	08/19/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
558	18050842	Trịnh Thị Tuyết	02/28/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
559	18050846	Nguyễn Thị Yên	10/09/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
560	18050655	Hoàng Thị Vân Anh	11/08/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
561	18050666	Nguyễn Tùng Anh	01/22/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
562	18050667	Nguyễn Việt Anh	03/15/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Định mức	Miễn / giảm	Số tiền	Học phí đã nộp	Học phí còn nợ
563	18050672	Trần Vương Tú Anh	03/11/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
564	18050687	Đào Ngọc Chuyên	04/04/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
565	18050694	Nguyễn Thị Ngọc Dung	10/11/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
566	18050701	Đình Trà Giang	08/27/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
567	18050702	Nguyễn Thanh Giang	06/12/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
568	18050704	Vũ Trường Giang	04/13/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
569	18050724	Nguyễn Thị Huế	09/14/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
570	18050725	Tạ Thị Thu Huế	12/06/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
571	18050726	Hoàng Mai Hương	02/24/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
572	18050727	Bùi Thị Hương	03/11/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
573	18050734	Ngô Thị Khánh Huyền	10/13/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
574	18050739	Trịnh Hồng Lê	12/19/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
575	18050745	Mai Thị Thùy Linh	10/02/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
576	18050746	Ngô Khánh Linh	07/26/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
577	18050750	Nguyễn Trúc Linh	10/23/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
578	18050762	Nguyễn Minh Lý	08/25/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
579	18050767	Nguyễn Tiến Mạnh	12/30/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
580	18050770	Nguyễn Tuấn Minh	10/17/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
581	18050778	Lê Thị Bảo Ngọc	04/16/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
582	18050788	Trần Minh Nhi	05/25/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
583	18050790	Nguyễn Thị Hồng Nhung	09/20/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
584	18050797	Nguyễn Thị Phương	06/28/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
585	18050802	Bùi Trung Quyền	03/12/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
586	18050804	Nguyễn Thị Hương Quỳnh	11/25/1999	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
587	18050805	Chu Đỗ Hoàng Sơn	01/10/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
588	18050822	Nguyễn Thị Thanh Thùy	06/30/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
589	18050835	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	05/11/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
590	18050838	Nguyễn Anh Tú	09/21/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
591	18050650	Trần Thái An	11/15/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
592	18050651	Bùi Đức Anh	06/24/1999	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
593	18050660	Nguyễn Lê Phương Anh	07/31/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
594	18050661	Nguyễn Ngọc Anh	01/22/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
595	18050663	Nguyễn Phương Anh	07/14/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
596	18050668	Phạm Duy Anh	11/05/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
597	18050673	Vũ Huyền Anh	10/03/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
598	18050674	Vũ Thị Quỳnh Anh	09/19/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
599	18050676	Giáp Ngọc Ánh	01/14/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
600	18050682	Phạm Văn Bình	11/04/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
601	18050684	Trần Đức Bình	02/03/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
602	18050685	Vũ Kim Chi	05/14/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
603	18050686	Nguyễn Thị Chung	05/25/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
604	18050689	Phạm Minh Đạt	12/29/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
605	18050691	Lê Nguyên Đức	11/30/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
606	18050695	Lê Đức Dũng	11/18/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
607	18050699	Đào Hoàng Duy	12/31/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
608	18050703	Nguyễn Trường Giang	11/04/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
609	18050732	Vũ Huỳnh Anh Huy	10/28/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
610	18050751	Phạm Thùy Linh	06/07/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
611	18050757	Trương Thế Long	12/12/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
612	18050760	Bùi Trần Công Lực	04/24/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
613	18050763	Đình Thị Mai	04/20/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Định mức	Miễn / giảm	Số tiền	Học phí đã nộp	Học phí còn nợ
614	18050765	Nguyễn Thị Mai	10/13/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
615	18050774	Bùi Thúy Nga	06/09/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
616	18050785	Lê Hoàng Yến Nhi	03/07/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
617	18050787	Nguyễn Hương Nhi	08/01/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
618	18050793	Mạc Phương Oanh	06/05/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
619	18050800	Đào Thị Phương	09/11/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
620	18050801	Trần Thị Thu Quyên	11/13/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
621	18050806	Ninh Văn Sơn	08/07/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
622	18050812	Nguyễn Thị Phương Thảo	08/18/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
623	18050818	Nguyễn Vũ Minh Thu	03/10/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
624	18050824	Phạm Thị Thu Thủy	05/01/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
625	18050829	Hoàng Thị Quỳnh Trang	09/25/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
626	18050844	Nguyễn Thị Thanh Vân	02/08/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
627	18050652	Hà Quỳnh Anh	05/27/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
628	18050678	Mai Thị Ngọc Ánh	02/28/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
629	18050688	Hoàng Khánh Đạt	09/28/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
630	18050692	Phan Đình Đức	10/15/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
631	18050698	Phạm Thùy Dương	03/21/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
632	18050700	Đặng Long Giang	07/19/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
633	18050705	Bùi Thị Hồng Hà	11/30/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
634	18050708	Vũ Ngọc Hà	06/15/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
635	18050719	Vũ Trung Hiếu	12/04/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
636	18050728	Đỗ Ngọc Huy	11/28/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
637	18050735	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	03/25/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
638	18050742	Hồ Nhật Linh	11/09/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
639	18050752	Trịnh Khánh Linh	12/04/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
640	18050753	Vũ Thùy Linh	08/16/1999	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
641	18050755	Hoàng Ngọc Long	07/28/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
642	18050756	Phạm Kim Long	01/10/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
643	18050786	Lê Yến Nhi	10/10/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
644	18050795	Bùi Thị Hồng Phúc	08/02/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
645	18050808	Nguyễn Thị Tâm	03/20/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
646	18050809	Nguyễn Trọng Tấn	09/08/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
647	18050810	Lương Thanh Thảo	08/10/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
648	18050826	Cao Thùy Tiên	09/29/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
649	18050830	Kim Minh Trang	12/19/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
650	18050831	Lê Minh Trang	07/07/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
651	18050836	Trần Hạnh Trang	11/23/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
652	18050837	Trần Đức Trung	09/12/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
653	18050843	Lê Thị Thu Uyên	02/26/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
654	18050845	Lê Minh Vũ	10/10/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
655	18050850	Bùi Đức Hoàng	07/10/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
656	18050854	Đào Thị Quỳnh Anh	09/03/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
657	18050857	Lê Thị Châm Anh	06/26/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
658	18050859	Nguyễn Phương Anh	12/27/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
659	18050864	Trịnh Hữu Việt Anh	11/24/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
660	18050866	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	05/17/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
661	18050867	Cao Gia Bách	10/09/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
662	18050870	Vũ Minh Châu	09/17/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
663	18050874	Nguyễn Khánh Chi	10/09/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
664	18050876	Nguyễn Thị Chuyên	09/16/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
665	18050878	Đỗ Hải Đăng	04/28/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Định mức	Miễn / giảm	Số tiền	Học phí đã nộp	Học phí còn nợ
666	18050879	Phạm Thành Đạt	05/01/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
667	18050893	Nguyễn Thị Hiền	06/29/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
668	18050894	Bùi Thị Thu Hiền	10/27/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
669	18050902	Hồ Thị Huệ	02/24/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
670	18050903	Lê Minh Hương	07/03/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
671	18050904	Nguyễn Thị Diệu Hương	11/30/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
672	18050911	Vũ Hoàng Lan	04/18/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
673	18050926	Nguyễn Quỳnh Mai	08/20/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
674	18050941	Trần Thị Ánh Ngọc	03/15/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
675	18050946	Trịnh Thị Phương Nhi	02/09/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
676	18050962	Vũ Phương Thảo	09/29/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
677	18050963	Lê Ngọc Thùy	05/01/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
678	18050966	Cao Thị Thùy Trang	06/26/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
679	18050972	Trần Thị Thu Trang	11/15/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
680	18050984	Phạm Kim Yên	12/04/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
681	18050988	Nông Hoàng Khôi	08/24/1999	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
682	18050852	Đinh Thị An	12/08/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
683	18050853	Trịnh Thục An	01/16/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
684	18050856	Lại Minh Anh	01/25/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
685	18050858	Ngô Quỳnh Anh	07/03/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
686	18050865	Ngô Thị Ánh	04/22/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
687	18050871	Đào Thị Linh Chi	07/04/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
688	18050875	Trần Phương Chi	09/08/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
689	18050884	Nguyễn Mạnh Dũng	11/22/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
690	18050886	Nguyễn Tùng Dương	08/28/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
691	18050889	Nguyễn Thị Ngọc Duyên	10/09/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
692	18050890	Nguyễn Hương Giang	09/17/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
693	18050899	Nguyễn Thị Khánh Hòa	08/30/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
694	18050905	Kiều Quang Huy	03/11/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
695	18050908	Nguyễn Thanh Huyền	08/20/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
696	18050909	Nguyễn Trung Kiên	04/24/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
697	18050916	Đương Thị Yến Linh	11/01/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
698	18050919	Nguyễn Thị Thuý Linh	11/20/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
699	18050920	Nguyễn Thùy Linh	08/07/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
700	18050924	Nguyễn Đăng Thanh Long	09/14/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
701	18050931	Trần Lê Minh	12/08/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
702	18050933	Nguyễn Thị Du Mỹ	10/13/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
703	18050934	Tô Hoàng Nam	12/22/1998	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
704	18050937	Nguyễn Tố Nga	06/29/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
705	18050945	Tào Lê Yến Nhi	03/15/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
706	18050947	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	09/10/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
707	18050950	Trịnh Xuân Phong	09/25/1999	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17500000	2,225,000	15,275,000	15,275,000	-
708	18050954	Nguyễn Thanh Tâm	11/15/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
709	18050955	Đinh Thị Tăng	12/20/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
710	18050967	Đinh Hà Trang	05/30/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
711	18050971	Tạ Thị Phương Trang	08/27/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
712	18050975	Nguyễn Thị Ngọc Trinh	02/16/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
713	18050985	Đào Thị Hải Yến	08/02/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
714	18050860	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	09/30/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
715	18050861	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	12/08/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
716	18050863	Trần Nam Anh	05/14/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
717	18050868	Trần Việt Bảo	10/24/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Định mức	Miễn / giảm	Số tiền	Học phí đã nộp	Học phí còn nợ
718	18050869	Phạm Bảo Châm	01/23/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
719	18050881	Ngô Tiến Đức	12/23/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
720	18050885	Hoàng Ngọc Dương	07/11/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
721	18050897	Nguyễn Quang Hiếu	03/05/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
722	18050901	Phạm Huy Hoàng	12/26/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
723	18050910	Đặng Tùng Lâm	01/16/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
724	18050913	Đinh Diệu Linh	03/17/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
725	18050914	Đinh Hoàng Linh	08/26/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
726	18050917	Nguyễn Bảo Linh	12/23/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
727	18050922	Phạm Ngọc Khánh Linh	12/05/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
728	18050927	Nguyễn Thị Hoa Mai	01/20/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
729	18050929	Nguyễn Ngọc Minh	02/25/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
730	18050935	Trần Phương Nam	08/17/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
731	18050938	Lê Minh Ngọc	10/15/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
732	18050942	Nguyễn Thảo Nguyên	09/24/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
733	18050943	Mai Quỳnh Nhi	08/23/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
734	18050948	Vũ Trang Nhung	12/09/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
735	18050952	Nguyễn Thế Quang	04/18/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
736	18050953	Ngô Thị Thùy Sinh	03/10/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
737	18050957	Nghiêm Chí Thành	12/13/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
738	18050958	Trịnh Đức Thành	03/30/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
739	18050960	Nguyễn Thị Phương Thảo	12/25/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
740	18050961	Nguyễn Thị Thảo	11/06/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
741	18050968	Nguyễn Minh Trang	10/09/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
742	18050969	Nguyễn Thu Trang	05/13/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
743	18050970	Nguyễn Yên Trang	08/10/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
744	18050977	Nguyễn Mạnh Trường	10/16/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
745	18050978	Khổng Gia Tường	01/12/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
746	18050986	Nguyễn Thị Yến	06/30/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-

Danh sách gồm 746 sinh viên